

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2024
“V/v tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Bạch Yến.

2/ Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Bà Ngô Thị Hồng T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2024 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn G cùng các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa như sau:

Năm 2003, ông và bà T quen biết với nhau. Ngày 24/12/2003, ông và bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông bà bất đồng quan điểm và xảy ra cãi vã thường xuyên. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay bà T sống ở gia đình cha mẹ ở B còn ông sống ở B. Nay ông G xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày

18/12/2003 và cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 06/02/2011. Nay ông khởi kiện yêu cầu những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu **cầu được ly hôn với bà Ngô Thị Hồng T.**

Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 18/12/2003 đã trưởng thành đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân ông không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 06/02/2011 ông Giàu có yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Không yêu cầu bà T cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông cho rằng không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Ngô Thị Hồng T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày trong hồ sơ gửi cho Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

Tại phiên tòa, ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như ý kiến đã trình bày.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt không trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn G khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con với bà Ngô Thị Hồng T, sinh năm 1980; Địa chỉ: **Áp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An** nên được xác định là quan hệ pháp luật “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt: Bị đơn bà T vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn G và bà Ngô Thị Hồng T có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã K, tỉnh Long An vào ngày 24/12/2003 nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy trong thời gian vợ chồng chung sống được một thời gian thì ông ông G, bà T phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông G cũng xác định hai bên không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hai bên không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng

đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà T không có lời khai trong hồ sơ và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng thể hiện bà T đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của ông G nên được xác định bà T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình về yêu cầu khởi kiện của ông G. Việc bà T vắng mặt và không có ý kiến thể hiện bà T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại đơn xin xác nhận ngày 18/6/2024 Chính quyền địa phương cũng xác nhận ông và bà T mâu thuẫn, hiện không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xác mẫu thuận vợ chồng kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông G

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 18/12/2003 đã trưởng thành đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị tàn tật đủ khả năng lao động không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 06/02/2011 ông Giàu có yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét thấy cháu L có nguyện vọng sống chung với ông G. Như vậy để ổn định về mặt phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần cho con chung cần tiếp tục giao con chung cho ông G nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông G không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông G xác định không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.5] Về án phí: Ông G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 56; 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G đối với bà Ngô Thị Hồng T về “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn G được ly hôn với bà Ngô Thị Hồng T.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 06/02/2011, giới tính nữ cho ông Nguyễn Văn G được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau

khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn G đã nộp theo biên lai số 0003225 ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường sang thi hành án phí. Ông Nguyễn Văn G đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Văn G có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Ngô Thị Hồng T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Kim Xuyên – Nguyễn Thị Bạch Yến

Vũ Thị Lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- CC.THADS thị xã Kiến Tường;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Lệ

